

Số: 2639 /QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 02 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch cải thiện, nâng cao chỉ số cải cách hành chính; chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công tỉnh Vĩnh Long

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 – 2020; Nghị quyết số 02/NQ-CP, ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 243/QĐ-BNV, ngày 03/4/2020 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Kế hoạch đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2020;

Căn cứ Chỉ thị số 11/CT-UBND, ngày 25/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc nâng cao thứ hạng Chỉ số Par Index, Chỉ số PAPI, Chỉ số SIPAS của tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 2251/QĐ-UBND, ngày 30/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch CCHC của tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2016 – 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 591/TTr-SNV, ngày 26/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải thiện, nâng cao chỉ số cải cách hành chính; chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn và phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc kế hoạch này, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- TT. TU, HĐND tỉnh;
- Thường trực UBMTTQ tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VP.UBND tỉnh;
- Báo Vĩnh Long, Đài PT - TH Vĩnh Long;
- Các Phòng, Ban, TT thuộc VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, 1.19.06.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Trung

KẾ HOẠCH

Cải thiện, nâng cao chỉ số cải cách hành chính; chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công tỉnh Vĩnh Long

Trong thời gian qua, mặc dù đã có sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh trong triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC), nhưng kết quả thực hiện nội dung CCHC của một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa đạt yêu cầu; một số tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số cải cách hành chính (Chỉ số Par Index), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Chỉ số SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh (Chỉ số PAPI) năm 2019 của tỉnh chưa được cải thiện và bị tụt hạng. Để phát huy những kết quả đạt được, đồng thời cải thiện và khắc phục những tồn tại, hạn chế, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Kế hoạch cải thiện Chỉ số Par Index, Chỉ số SIPAS và chỉ số PAPI cụ thể như sau:

**PHẦN I
MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU BAN HÀNH**

I. MỤC ĐÍCH

1. Tăng cường nhận thức và nâng cao trách nhiệm của các ngành, các cấp về Chỉ số Par Index, Chỉ số SIPAS và Chỉ số PAPI hàng năm của tỉnh.
2. Duy trì điểm số đạt được tối đa các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số Par Index, Chỉ số SIPAS và Chỉ số PAPI năm 2019; cải thiện và nâng cao điểm số của những tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt hoặc đạt thấp trong những năm tiếp theo và phấn đấu đạt kết quả cao, xếp trong nhóm 30 tỉnh, thành phố đứng đầu trong cả nước.
3. Cải thiện, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nội dung của Chỉ số Par Index, Chỉ số SIPAS và Chỉ số PAPI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long trong năm 2020 và những năm tiếp theo.

II. YÊU CẦU

1. Các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là cơ quan chủ trì các nội dung lĩnh vực của Chỉ số Par Index, Chỉ số SIPAS và Chỉ số PAPI của tỉnh, đánh giá đúng thực trạng, kết quả thực hiện các nội dung liên quan đến việc xác định Chỉ số CCHC của ngành, địa phương.
2. Thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Kế hoạch CCHC năm 2020, những năm tiếp theo, Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 25/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về

việc nâng cao thứ hạng Chỉ số Par Index, Chỉ số PAPI, Chỉ số SIPAS của tỉnh Vĩnh Long và Kế hoạch này tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Có biện pháp cụ thể để khắc phục những hạn chế và tổ chức triển khai có hiệu quả việc nâng cao Chỉ số Par Index, Chỉ số SIPAS, Chỉ số PAPI năm 2020 và những năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

PHẦN II NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. ĐỐI VỚI CHỈ SỐ PAR INDEX

1. Nội dung công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

a) Bảo đảm mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC năm: Hoàn thành 100% kế hoạch đề ra.

b) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (gồm các báo cáo: Công tác CCHC; công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL; về tình hình theo dõi thi hành pháp luật; về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; kết quả ứng dụng CNTT) đảm bảo về số lượng, nội dung và thời gian gửi theo quy định.

c) Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC trong năm phải được triển khai thực hiện tối thiểu từ 30% trở lên đối với cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện. 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (bất cập, vướng mắc, vi phạm...) phải được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý.

d) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về CCHC

Mục tiêu thực hiện: Đa dạng các hình thức tuyên truyền CCHC, như: Tổ chức hội nghị; trên sóng phát thanh - truyền hình; trên báo in; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử...

đ) Hàng năm có ít nhất 03 sáng kiến hoặc giải pháp mới về công tác CCHC được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc được triển khai tại các cơ quan, đơn vị (nếu chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng mang lại hiệu quả rõ rệt và không trái với các quy định pháp luật hiện hành).

e) Thực hiện đầy đủ và đúng tiến độ các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh trong năm, văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC của tỉnh; công tác đôn đốc thực hiện nhiệm vụ CCHC của tỉnh.

2. Nội dung công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL của tỉnh

a) Thực hiện đầy đủ các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành. Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, tiến hành xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo quy định.

b) Rà soát văn bản QPPL: Việc rà soát văn bản phải được tiến hành thường xuyên, ngay khi có căn cứ rà soát.

c) Xử lý văn bản phát hiện qua kiểm tra: Từ 70% - 100% số văn bản QPPL trái pháp luật đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý so với tổng số văn bản phát hiện sai phạm qua kiểm tra theo thẩm quyền (không tính tự kiểm tra).

d) Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất; tính hợp lý; tính khả thi và tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh.

3. Nội dung công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao trong năm.

b) Kiểm soát quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền: Trong năm tỉnh không ban hành các quy định TTHC trái với thẩm quyền được giao; 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý.

c) Công bố TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh đảm bảo đầy đủ, kịp thời theo quy định.

- Nhập, đăng tải công khai TTHC đầy đủ, kịp thời vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC sau khi công bố.

- Công khai danh mục, tiến độ, kết quả giải quyết TTHC trên Cổng dịch vụ công của tỉnh, Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh và Cổng/Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị. Các CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện, cấp xã phải công khai đầy đủ, kịp thời TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Cổng/Trang TTĐT của đơn vị mình.

d) Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông: 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa đúng theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP.

đ) Công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC: 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của CQCM cấp tỉnh, UBND cấp huyện và cấp xã phải được công bố phê duyệt quy trình nội bộ theo quy định.

e) Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tăng cường thực hiện giải quyết TTHC theo hình thức liên thông cùng cấp hành chính và giữa các cấp chính quyền khác nhau theo quy định.

g) Kết quả giải quyết TTHC: tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn đạt 100%.

h) Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện nghiêm, đầy đủ, đúng quy định về việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC.

i) Các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện đánh giá chất lượng giải quyết TTHC: đảm bảo 100% cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ và các cơ quan, đơn vị đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên.

k) Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện nghiêm, đầy đủ, kịp thời, đúng quy định về tiếp nhận, trả lời các phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại cơ quan, đơn vị; 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý; công khai kết quả trả lời PAKN đúng theo quy định.

4. Nội dung công tác cải cách tổ chức bộ máy

a) Thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành về tổ chức bộ máy: sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, các phòng chuyên môn cấp huyện; cơ cấu số lượng lãnh đạo, đảm bảo số lượng cấp phó đúng theo quy định hiện hành đối với cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015 đạt từ 10% trở lên.

b) Sử dụng biên chế hành chính không vượt quá số lượng so với tổng số biên chế hành chính được giao; tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015 đạt từ 10% trở lên. Tổng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh không vượt quá số lượng so với tổng số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh được cấp có thẩm quyền giao theo quy định.

c) Thực hiện đầy đủ, đúng quy định về phân cấp quản lý nhà nước do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành. Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã. 100% số vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý.

5. Nội dung công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm: Đảm bảo 100% cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt; 100% đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt.

b) Thực hiện đầy đủ, đúng quy định về:

- Tuyển dụng công chức tại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh.

- Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh.

c) Bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính: Bảo đảm 100% số lãnh đạo cấp Sở và tương đương, lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương, lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện được bổ nhiệm đúng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

d) Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng năm bảo đảm đúng quy định về trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định.

đ) Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính theo Chỉ thị số 06-CT/TU ngày 26/3/2016 của Tỉnh ủy Vĩnh Long về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh: Trong năm không có cán bộ, công chức làm việc tại cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên, không có cán bộ, công chức cấp xã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

e) Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Thực hiện công tác báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đúng quy định; mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đạt từ 95% trở lên.

g) 100% số cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo quy định.

6. Nội dung công tác cải cách Tài chính công

a) Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm đạt tỷ lệ từ 90% trở lên so với kế hoạch được giao.

b) 100% số kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách được thực hiện.

c) Bảo đảm thực hiện đúng quy định cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính, trong năm không có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện.

d) Tiếp tục tham mưu cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản về quản lý, sử dụng tài sản công, thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý.

đ) Tổ chức hoạt động kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công.

e) Thực hiện đúng quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, theo đó:

- Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên tăng so với năm trước ít nhất từ 2 đơn vị trở lên.

- 100% số đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm.

g) Giảm chi trực tiếp ngân sách nhà nước (chi thường xuyên) cho đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh trong năm so với năm 2015 đạt từ 10% trở lên.

7. Nội dung hiện đại hóa hành chính

a) Về ứng dụng công nghệ thông tin:

- Cập nhật và triển khai kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh phiên bản 2.0; Xây dựng khung kiến trúc đô thị thông minh phiên bản 1.0 đúng theo quy định.

- Đảm bảo tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử đạt từ 90% trở lên.

- Duy trì thực hiện tốt phần mềm quản lý văn bản và điều hành (kết nối liên thông từ tỉnh đến 100% đơn vị cấp xã).

- Hệ thống thông tin một cửa điện tử phải được kết nối liên thông tới 100% các sở, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã để theo dõi, cập nhật, thống kê, tổng hợp thông tin, số liệu về tình hình, kết quả giải quyết TTHC của tất cả các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã; Hệ thống phải đảm bảo hoạt động ổn định và các tính năng của hệ thống phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định hiện hành.

- Tiếp tục duy trì thực hiện tốt Cổng dịch vụ công của tỉnh; Cổng dịch vụ công phải đảm bảo đáp ứng đầy đủ các chức năng và yêu cầu kỹ thuật theo quy định hiện hành.

- Xây dựng hệ thống thông tin báo cáo: Các chức năng, yêu cầu kỹ thuật của Hệ thống thông tin báo cáo phải tuân thủ các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Thường xuyên rà soát, đăng ký danh mục TTHC đáp ứng các tiêu chí, yêu cầu theo quy định để thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đúng theo lộ trình quy định để đảm bảo đạt tỷ lệ đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần về dịch vụ công trực tuyến.

- + Tỷ lệ số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến so với tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức 3, 4 trong năm đạt từ 50% trở lên.

- + Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3 (so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm, bao gồm cả trực tuyến và truyền thống) đạt từ 20% trở lên.

- + Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4 (so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm, bao gồm cả trực tuyến và truyền thống) đạt từ 20% trở lên.

c) Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) đáp ứng theo yêu cầu quy định, đảm bảo:

- + Tỷ lệ số TTHC có phát sinh hồ sơ qua dịch vụ BCCI (tiếp nhận hoặc trả kết quả hoặc cả hai) đạt từ 50% trở lên so với tổng số TTHC đang triển khai thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI (không tính TTHC thực hiện tại các cơ quan ngành dọc đặt tại địa phương).

- + Tỷ lệ giữa số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI (không tính TTHC do các bộ đang triển khai tại các cơ quan ngành dọc đặt tại địa phương) so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả tiếp nhận qua dịch vụ BCCI và qua hình thức khác) của các TTHC đã triển khai thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ BCCI đạt từ 10% trở lên.

- + Tỷ lệ giữa số hồ sơ đã được trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI (không thống kê TTHC do các bộ đang triển khai tại các cơ quan ngành dọc đặt tại địa

phương) so với với tổng số hồ sơ đã trả kết quả giải quyết trong năm (bao gồm trả qua dịch vụ BCCI và trả qua hình thức khác) của các TTHC đã triển khai thực hiện trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI đạt từ 10% trở lên.

d) Đảm bảo 100% đối với cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện và từ 90% đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng quy định việc công bố, xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 hoặc 9001:2015.

8. Nội dung tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển KT-XH của tỉnh

a) Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh phải cao hơn năm trước liền kề.

b) Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới tăng từ 30% trở lên so với năm trước.

c) Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp phải tăng so với năm trước liền kề.

d) Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh vượt chỉ tiêu từ 4% trở lên theo Kế hoạch được Chính phủ giao.

đ) Tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) phải cao hơn năm trước liền kề.

e) Phân đầu đạt 100% và vượt các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao.

II. ĐỐI VỚI CHỈ SỐ SIPAS

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã:

a) Tích cực thông tin, tuyên truyền đầy đủ kịp thời về kết quả Chỉ số SIPAS năm 2019 đến cán bộ, công chức, viên chức, người dân, tổ chức nhằm nâng cao nhận thức của người dân, tổ chức về quyền lợi và trách nhiệm trong việc tham gia giám sát, phản hồi ý kiến về chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công, chất lượng phục vụ người dân, tổ chức của cơ quan hành chính nhà nước.

b) Mở rộng các hình thức thông tin để người dân, tổ chức tiếp cận các dịch vụ hành chính của cơ quan hành chính nhà nước trong việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC. Trong đó, tập trung đầu tư đầy đủ trang thiết bị hiện đại, dễ sử dụng để người dân, tổ chức sử dụng trong quá trình giải quyết công việc.

c) Thực hiện đăng tải, niêm yết, công khai đầy đủ nội dung TTHC, cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả, thành phần hồ sơ, quy trình, trình tự thực hiện, thời gian thực hiện, phí, lệ phí (đối với những TTHC có quy định thu phí, lệ phí),.. tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng Dịch vụ công của tỉnh và Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị.

d) Tiếp tục rà soát, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh, đơn giản hóa TTHC, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC, thực hiện nghiêm quy định về giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; hướng dẫn các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp kê khai hồ sơ đầy đủ, chính xác, tuyệt đối không để các cá nhân, tổ chức phải đi quá một lần để bổ sung hồ sơ. Tăng cường chất lượng, hiệu quả giải quyết hồ sơ

TTHC nhằm đảm bảo hồ sơ được giải quyết trước hạn, đúng hạn; hạn chế thấp nhất việc giải quyết hồ sơ trễ hạn. Kết quả giải quyết hồ sơ phải đúng quy định, có thông tin đầy đủ, chính xác.

đ) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trách nhiệm, kỹ năng, tinh thần và thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết công việc cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp. Tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức có hành vi gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu, gợi ý nộp thêm tiền ngoài phí/lệ phí theo quy định.

e) Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình với người dân, tổ chức ở các cơ quan, đơn vị, địa phương. Người đứng đầu phải chú trọng công tác tiếp công dân, đối thoại giải quyết khiếu nại, tố cáo và giải trình với người dân, tổ chức; đồng thời, thực hiện nghiêm việc xin lỗi tổ chức, cá nhân khi giải quyết hồ sơ TTHC xảy ra sai sót, trễ hạn đối với kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.

g) Bố trí hình thức tiếp nhận ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị để người dân, tổ chức dễ thực hiện (số điện thoại, địa chỉ Hệ thống tiếp nhận PAKN về quy định hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, thư điện tử, địa chỉ của cơ quan...)

2. Các cơ quan, đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tư pháp, UBND các huyện, thị xã, thành phố được Bộ Nội vụ lựa chọn điều tra xã hội học, căn cứ kết quả chỉ số SIPAS năm 2019 thực hiện tốt công tác tuyên truyền và triển khai có hiệu quả kế hoạch tại cơ quan, đơn vị để khắc phục những tồn tại, hạn chế, tăng cường các giải pháp nhằm nâng cao Chỉ số SIPAS năm 2020 và những năm tiếp theo của tỉnh.

III. ĐỐI VỚI CHỈ SỐ PAPI

1. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm xin ý kiến người dân theo quy định; tổ chức cuộc họp, tiếp xúc với cử tri, cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng tổ, khóm, ấp, thông qua hòm thư góp ý xin ý kiến Nhân dân đối với các nội dung người dân được bàn và quyết định trực tiếp.

2. Công khai, minh bạch cơ chế chính sách, hoạt động của cơ quan, đơn vị nhất là công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở địa phương; UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện công khai thu, chi ngân sách cấp xã theo pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007; kiểm soát chặt chẽ và có giải pháp phòng ngừa hành vi tham nhũng, nhất là trong lĩnh vực như: chi tiêu ngân sách, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp phép xây dựng, đăng ký kinh doanh...

3. Thực hiện quy trình rà soát, điều tra, bình xét và công nhận đối tượng hộ nghèo hàng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều. Công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn; điểm hoạt động văn hóa xã, phường, thị trấn, tổ dân phố, khu dân cư. Xử lý nghiêm những cơ quan, địa phương, cán bộ, công chức, viên chức thực hiện không đúng quy định về chính sách cho hộ nghèo theo quy định của Nhà nước.

4. Tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của người dân ngay từ cơ sở, làm rõ trách nhiệm thẩm quyền, chất lượng giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo chính quyền địa phương các cấp từ huyện, thị xã thành phố đến các xã, phường thị trấn thực hiện nghiêm quy định tiếp dân định kỳ; đồng thời có trách nhiệm giải trình, trả lời người dân những vấn đề vướng mắc của địa phương theo thẩm quyền; xử lý người có hành vi cản trở hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng hoặc người có hành vi trả thù, trù dập công dân khiếu nại, tố cáo, kiến nghị... để đảm bảo thực hiện quyền giám sát và các hình thức giám sát của người dân.

5. Tiếp tục thanh tra, kiểm tra công tác phòng, chống tham nhũng. Xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng và xử lý trách nhiệm của người đứng đầu để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị.

6. Thực hiện thi tuyển theo nguyên tắc cạnh tranh để tuyển dụng công chức vào cơ quan hành chính nhà nước. Công khai, minh bạch, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển dụng.

7. Tiếp tục thực hiện tốt cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết công việc của cá nhân, tổ chức tại cơ quan hành chính nhà nước. Đặc biệt chú trọng các TTHC lĩnh vực chứng thực, xác nhận; cấp giấy phép xây dựng; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tăng cường tuyên truyền và hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, dịch vụ bưu chính công ích trong giải quyết TTHC. Thường xuyên kiểm tra định kỳ, đột xuất để đánh giá chất lượng hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp theo quy định.

8. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý thông tin khám chữa bệnh; tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến để phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân; mở rộng các hình thức đầu tư cơ sở vật chất, đầu tư nâng cấp trang thiết bị hiện đại cho các bệnh viện tuyến huyện; trạm y tế cấp xã; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn; bồi dưỡng y đức của đội ngũ cán bộ, viên chức ngành y để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; tăng cường tuyên truyền chính sách bảo hiểm y tế, nâng cao tỷ lệ người dân có bảo hiểm y tế. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc cải cách TTHC trong lĩnh vực bảo hiểm y tế, từ khâu cấp phát thẻ đến thanh toán chế độ bảo hiểm y tế.

9. Tăng cường cơ sở vật chất trường lớp theo hướng đồng bộ, chuẩn hóa, tiên tiến và từng bước hiện đại; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục; xây dựng trường học an toàn, lành mạnh, thân thiện, không bạo lực, không lạm thu, đặc biệt quan tâm vệ sinh an toàn thực phẩm trong bữa ăn của học sinh bán trú; quản lý chặt chẽ việc dạy thêm trái quy định; bồi dưỡng đạo đức, tác phong của đội ngũ quản lý, giáo viên trong nhà trường.

10. Thực hiện có hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình giảm nghèo bền vững, góp phần hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đối với những địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, để từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân về y tế, giáo dục, vệ sinh môi trường, điện, đường giao thông,... Tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn địa bàn các khu dân cư.

11. Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, cân bằng giữa bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế; Hoàn chỉnh hệ thống chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường không khí; giảm nguồn phát sinh bụi, phát tán bụi.

12. Triển khai hiệu quả một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

13. Thực hiện tốt việc tiếp nhận, xử lý các ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức và doanh nghiệp đảm bảo kịp thời, đúng theo quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Sở Nội vụ (cơ quan thường trực tham mưu công tác CCHC của tỉnh)

a) Làm đầu mối chủ trì theo dõi việc cải thiện các Chỉ số liên quan đến CCHC của tỉnh.

b) Chủ trì, tổng hợp các ý kiến, kiến nghị, đề xuất của các cơ quan, đơn vị, địa phương; cập nhật nội dung quy định hiện hành của các chỉ số liên quan đến CCHC để tham mưu, điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

c) Tổ chức thực hiện, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan trong triển khai, thực hiện kế hoạch này, đề ra các giải pháp, nhiệm vụ cụ thể cải thiện các chỉ số theo lĩnh vực được phân công.

d) Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch này trong việc cải thiện Chỉ số Par Index, Chỉ số SIPAS và Chỉ số PAPI lồng ghép trong báo cáo CCHC.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Căn cứ nội dung, nhiệm vụ trong Kế hoạch này, xây dựng giải pháp của ngành, địa phương mình để thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các nội dung của Chỉ số Par Index, Chỉ số SIPAS và Chỉ số PAPI. Các cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì thực hiện cải thiện đối với từng chỉ số cụ thể tại phụ lục kèm theo.

b) Thường xuyên kiểm tra, đánh giá chất lượng phục vụ và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý, thông qua khả năng xử lý công việc và hành vi ứng xử của công chức với người dân để cải thiện mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

c) Báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ, lồng ghép trong báo cáo CCHC quý, 6 tháng và năm).

3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí triển khai thực hiện được phân bổ hàng năm trong kinh phí công tác CCHC do ngân sách nhà nước cấp theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch cải thiện Chỉ số Par Index, Chỉ số SIPAS và Chỉ số PAPI của tỉnh Vĩnh Long năm 2020 và những năm tiếp theo, yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để kịp thời xem xét, điều chỉnh cho phù hợp (*kèm theo phụ lục chi tiết*)./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC CÁC CHỈ SỐ LIÊN QUAN ĐẾN CCHC

Phụ lục 1: Chỉ số Par Index

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC				
1.1	Triển khai Kế hoạch CCHC	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Hoàn thành 100% nhiệm vụ trong Kế hoạch CCHC năm 2020 và những năm tiếp theo.	- Kế hoạch CCHC. - Báo cáo CCHC.
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Báo cáo phải đúng thời gian quy định.	Báo cáo CCHC quý, 6 tháng và năm.
1.3	Công tác kiểm tra CCHC				
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra trong năm	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Hàng năm đạt trên 30% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra.	Báo cáo hoặc thông báo kiểm tra công tác CCHC.
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	100% được những vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý.	- Báo cáo hoặc thông báo kiểm tra công tác CCHC. - Báo cáo khắc phục

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
					của sở, ban, ngành, UBND cấp huyện sau kiểm tra.
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện Đài phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long, Báo Vĩnh Long....	Tuyên truyền CCHC cả 3 hình thức sau: - Tổ chức các hội nghị, tập huấn chuyên đề CCHC; - Đăng tải thông tin CCHC trên website của tỉnh; - Tuyên truyền CCHC trên Đài PT-TH của tỉnh, Báo in.	Cung cấp các đường link tới tin, bài, hình ảnh đã tuyên truyền về CCHC trên website; - TLKC khác (nếu có).
1.5	Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Nội vụ	- Được UBND tỉnh phê duyệt hoặc được Trung ương cho phép thí điểm; trường hợp sáng kiến hoặc giải pháp chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng mang lại hiệu quả rõ rệt và không trái với các quy định pháp luật hiện hành thì vẫn được xem xét, ghi nhận. - Lần đầu tiên được áp dụng	- Các văn bản phê duyệt triển khai các giải pháp mới trong thực hiện các nội dung CCHC. - Các văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền.

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
				hoặc áp dụng thí điểm để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC trong phạm vi cấp tỉnh.	
1.6	Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao trong năm.	- Các báo cáo, văn bản triển khai thực hiện.
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI TỈNH				
2.1	Theo dõi thi hành pháp luật				
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ 03 hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành thi - Thực hiện thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật 	Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh.
2.1.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh; - Các văn bản xử lý kết quả theo dõi thi

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
				xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền.	hành pháp luật.
2.2	Xử lý VBQPPL sau rà soát, hệ thống hóa	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Số VBQPPL đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đạt từ 70% trở lên	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát VBQPPL của tỉnh; - Các văn bản chứng minh kết quả rà soát đã được xử lý.
2.3	Xử lý văn bản phát hiện sai phạm qua kiểm tra	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	số văn bản phát hiện sai phạm qua kiểm tra đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý đạt từ 70% trở lên	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát VBQPPL của tỉnh; - Các văn bản chứng minh kết quả kiểm tra đã được xử lý.
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)				
3.1	Kiểm soát quy định TTHC				
3.1.1	Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Không ban hành các quy định TTHC (<i>nội dung TTHC, thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai, điều kiện thực hiện TTHC...</i>) trái với thẩm quyền được giao	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện	Văn phòng	Các sở, ban,	100% số vấn đề đã được xử lý	Báo cáo công tác kiểm

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	qua rà soát TTHC	UBND tỉnh	ngành, UBND cấp huyện	hoặc kiến nghị xử lý được phát hiện qua rà soát.	soát TTHC của tỉnh
3.2	Công bố, công khai thủ tục hành chính và kết quả giải quyết hồ sơ				
3.2.1	Công bố TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Chậm nhất trước 05 ngày làm việc tính đến ngày VBQPPL có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành, các cơ quan, đơn vị phải tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, chức năng quản lý của ngành. - Trường hợp VBQPPL được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành thì quyết định công bố TTHC phải được ban hành chậm nhất là sau 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành VBQPPL có quy định về TTHC. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định công bố TTHC. - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC.

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
				<ul style="list-style-type: none"> - 100% TTHC hoặc nhóm TTHC liên thông theo thẩm quyền quy định tại Nghị định 61/2018/NĐ-CP và Điều 4, Thông tư 01/2018/TT-VPCP được công bố kịp thời. - Trường hợp tham mưu công bố chưa đạt 100% số TTHC theo quy định nhưng trong đó có TTHC do Bộ, ngành Trung ương công bố chậm, đề nghị có giải trình cụ thể. 	
3.2.2	Nhập, đăng tải công khai TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	- 100% TTHC phải được nhập, đăng tải công khai vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh. TLKC khác nếu có.
3.2.3	Công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	- 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của CQCM cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã được ban hành quy trình nội bộ theo quy định.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC; - Quyết định Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC.
3.2.4	Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ,	Các sở, ban, ngành, UBND cấp	Văn phòng UBND tỉnh	- 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC;

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC	huyện và UBND cấp xã		huyện, cấp xã được công khai đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hoặc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.	
3.2.5	Công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh và Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị	Văn phòng UBND tỉnh; Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh; Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng TTĐT của tỉnh phải công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 3 cấp chính quyền. - CQCM cấp tỉnh công khai đầy đủ 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Cổng/Trang TTĐT của đơn vị mình; - UBND cấp huyện công khai đầy đủ 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Cổng/Trang TTĐT của đơn vị mình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC. - Kết quả kiểm tra trực tiếp trên website.
3.2.6	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng TTĐT hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã	- 100% CQCM cấp tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã công khai đầy đủ tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC. - Kết quả kiểm tra trực tiếp trên website.

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông				
3.3.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐCP và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP. - 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 03 cấp chính quyền của tỉnh được tiếp nhận và trả kết quả giải tại Bộ phận Một cửa các cấp theo quy định.	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC.
3.3.2	Đưa TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan ngành dọc	Thực hiện theo danh mục TTHC được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 và các văn bản khác (nếu có).	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh.
3.3.3	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh	Tất cả TTHC giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp hành chính được lập thành danh mục. Trong đó, nêu rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong quy trình giải quyết đối với từng TTHC.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC. - Danh mục TTHC/nhóm TTHC liên thông.

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
				- Đảm bảo số lượng TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp trên địa bàn tỉnh phải đạt từ 50 TTHC trở lên.	
3.3.4	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tất cả TTHC giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền được lập thành danh mục. Trong đó, nêu rõ cơ quan chủ trì, đầu mối tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC, cơ quan phối hợp trong quy trình giải quyết đối với từng TTHC. - Đảm bảo số lượng TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền khác nhau trên địa bàn tỉnh phải đạt từ 30 TTHC trở lên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC. - Danh mục TTHC/nhóm TTHC liên thông.
3.4	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC				
3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Phấn đấu 100% hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC.

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	giải quyết đúng hạn			đúng hạn so với tổng số hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh đã tiếp nhận trong năm.	
3.4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh	100% hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn so với tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong năm.	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC.
3.4.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn.	UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	100% hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn so với tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong năm.	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC.
3.4.4	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thực hiện nghiêm, đầy đủ và đúng quy định về việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC. Trường hợp trễ hẹn mà không phải do lỗi của cơ quan nhà nước phải có giải trình cụ thể cho từng trường hợp.	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC.
3.4.5	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành,	Thực hiện đánh giá cả 03 cấp chính quyền theo quy định tại	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh.

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
			UBND cấp huyện và UBND cấp xã	Nghị định số 61/2018/NĐCP và Thông tư 01/2018/TT-VPCP.	
3.5	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh				
3.5.1	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã	<p>Tất cả PAKN trong năm về TTHC do tỉnh tiếp nhận trực tiếp và các PAKN do Văn phòng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương tiếp nhận và yêu cầu tỉnh giải quyết theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP, Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc hướng dẫn thi hành của các văn bản nêu trên được xử lý.</p> <p>- 100% số PAKN đã được giải quyết (xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý) so với tổng số PAKN đã tiếp nhận</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh. - TLKC khác (nếu có). - Các văn bản giải quyết hoặc kiến nghị giải quyết PAKN.

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
				trong năm.	
3.5.2	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã	100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định.	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh.
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH				
4.1	Thực hiện quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy				
4.1.1	Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các CQCM cấp tỉnh, các phòng chuyên môn cấp huyện	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	100 % số CQCM cấp tỉnh, phòng chuyên môn cấp huyện được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức đúng quy định.	Báo cáo CCHC năm của tỉnh hoặc báo cáo chuyên đề đánh giá về rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy trên địa bàn tỉnh.
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Đối với các CQCM cấp tỉnh: Số lượng cấp phó của người đứng đầu các CQCM cấp tỉnh không quá 03 người: - Đối với các phòng thuộc CQCM cấp tỉnh: +Trường hợp chưa có quy	- Báo cáo CCHC năm của tỉnh hoặc báo cáo khác có thống kê về số lượng cấp phó của người đứng đầu tại các cơ quan, tổ chức thuộc

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
				<p>định về số lượng lãnh đạo, quản lý của các tổ chức này, Bộ Nội vụ đưa ra yêu cầu về tính hợp lý giữa số lượng lãnh đạo, quản lý và số lượng công chức không giữ vị trí lãnh đạo, quản lý tại các tổ chức này để làm căn cứ đánh giá, cho điểm, cụ thể là: Số lượng lãnh đạo, quản lý của các tổ chức nêu trên phải ít hơn so với số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.</p> <p>+ Trường hợp đã có quy định về số lượng lãnh đạo, quản lý của các tổ chức này (tại các thông tư): Số lượng lãnh đạo, quản lý thực hiện theo quy định nhưng vẫn phải ít hơn so với số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý;</p> <p>- Đối với các phòng thuộc UBND cấp huyện: Số lượng cấp phó của người đứng đầu các phòng thuộc UBND cấp</p>	phạm vi đánh giá.

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
				huyện thực hiện theo quy định (không quá 03 người) nhưng vẫn phải đảm bảo cơ cấu hợp lý. Số lượng lãnh đạo phải ít hơn so với số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.	
4.1.3	Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Đảm bảo giảm từ 10% trở lên so với năm 2015	- Báo cáo CCHC năm của tỉnh hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh trong năm đánh giá.
4.2	Thực hiện các quy định về quản lý biên chế				
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Số lượng biên chế hành chính của tỉnh đang sử dụng không vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao.	Báo cáo CCHC năm của tỉnh hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá.
4.2.2	Thực hiện quy định về số	Sở Nội vụ	Các sở, ban,	Tổng số người làm việc	- Báo cáo CCHC

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh		ngành, UBND cấp huyện	hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các đơn vị SNCL của tỉnh không vượt quá tổng số lượng người làm việc được giao.	năm của tỉnh hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá.
4.2.3	Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Tỷ lệ giảm số lượng biên chế hành chính thực tế của tỉnh trong năm đánh giá so với tổng số biên chế hành chính của tỉnh được giao trong năm 2015 đạt tỷ lệ từ 10% trở lên.	- Báo cáo CCHC năm của tỉnh hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá.
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý	- Sở Nội vụ - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài Chính - Sở Tài nguyên và Môi trường	- UBND cấp huyện - UBND cấp xã	Thực hiện các nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà nước theo đúng quy định tại Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ và các quy định khác của Chính phủ, các bộ, ngành về phân cấp quản lý nhà nước.	- Báo cáo CCHC năm của tỉnh hoặc báo cáo kết quả kiểm tra đánh giá về tình hình thực hiện phân cấp quản lý nhà nước.
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	- Sở Nội vụ - Sở Kế hoạch và Đầu tư	- UBND cấp huyện - UBND cấp xã	Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ hàng năm đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp	Các thông báo kết luận thanh tra, kiểm tra đối với các nội dung đã phân cấp.

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
		Đầu tư - Sở Tài Chính - Sở Tài nguyên và Môi trường	xã	huyện, cấp xã theo quy định của Chính phủ tại Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ.	
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	- Sở Nội vụ - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài Chính - Sở Tài nguyên và Môi trường	- UBND cấp huyện - UBND cấp xã	Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ hàng năm đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã theo quy định của Chính phủ tại Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016.	Các thông báo kết luận thanh tra, kiểm tra đối với các nội dung đã phân cấp.
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	- Sở Nội vụ - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài Chính - Sở Tài nguyên và Môi trường	- UBND cấp huyện - UBND cấp xã	100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý	Các thông báo kết luận thanh tra, kiểm tra; - Các văn bản chứng minh xử lý các vấn đề phát hiện; - TLKC khác nếu có.

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC				
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm				
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	100% cơ quan, đơn vị phải bố trí công chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí.	- Báo cáo năm CCHC - Bản mô tả công việc, Khung năng lực của ít nhất 05 vị trí việc làm khác nhau.
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	100% các đơn vị SNCL thuộc tỉnh (chỉ tính đơn vị SNCL thuộc UBND tỉnh, thuộc CQCM cấp tỉnh) phải thực hiện đúng các quy định sau: - Phê duyệt theo thẩm quyền hoặc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục vị trí việc làm; - Hoàn thiện việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; - Bố trí viên chức đúng theo	- Báo cáo CCHC năm của tỉnh; - Bản mô tả công việc, Khung năng lực của ít nhất 05 vị trí việc làm khác nhau.

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
				vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí.	
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức				
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện, cấp xã	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	- 100% các CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện việc tuyển dụng công chức (bao gồm cả thi tuyển, xét tuyển và tiếp nhận) phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.	Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thông báo tuyển dụng, quyết định thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng...) hoặc báo cáo thống kê, tổng hợp của tỉnh về tình hình tổ chức triển khai và kết quả tuyển dụng công chức.
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	100% số đơn vị SNCL (Chỉ tính đơn vị SNCL thuộc UBND tỉnh, thuộc CQCM cấp tỉnh) thực hiện tuyển dụng viên chức phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản sửa đổi, bổ	Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thông báo tuyển dụng, quyết định thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng,...) hoặc báo cáo thống kê, tổng hợp của

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
				sung, hướng dẫn thi hành.	tình về tình hình tổ chức triển khai và kết quả tuyển dụng viên chức.
5.3	Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh				
5.3.1	Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	- Việc tổ chức thi nâng ngạch công chức theo thẩm quyền của tỉnh (hoặc được ủy quyền) phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.	Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ thi nâng ngạch (thông báo, thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả thi...) hoặc báo cáo thống kê, tổng hợp của tỉnh về tình hình tổ chức triển khai và kết quả thi nâng ngạch công chức.
5.3.2	Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Việc tổ chức thi, xét thăng hạng viên chức theo thẩm quyền phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.	Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ thi xét/thăng hạng (thông báo, thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả thi...) hoặc báo cáo thống kê, tổng hợp của tỉnh về tình hình tổ

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
					chức triển khai và kết quả thi/xét thăng hạng.
5.4	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Việc bổ nhiệm phải tuân thủ đúng quy trình, tiêu chuẩn bằng cấp và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành. - Thống kê danh sách số lãnh đạo cấp sở và tương đương được bổ nhiệm trong năm; danh sách lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương được bổ nhiệm trong năm; danh sách lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện được bổ nhiệm trong năm. Đảm bảo 100% số lãnh đạo cấp sở và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định 	<ul style="list-style-type: none"> - Các quyết định bổ nhiệm; - Báo cáo đánh giá kết quả việc bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý trong năm;

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
5.5	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức				
5.5.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ.	Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức của tỉnh
5.5.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	<div>- Không có lãnh đạo UBND tỉnh và tương đương, kanhxo đạo UBND cấp sở, ngành, huyện và tương đương, lãnh đạo cấp phòng thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện và tương đương bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên</div> <div>- Thống kê tổng số cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật trong năm, nêu rõ hình thức kỷ luật đối với từng cán bộ, công chức, viên chức.</div>	<div>- Báo cáo CCHC năm của tỉnh hoặc báo cáo về tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trong năm;</div> <div>Các kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.</div>
5.6	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	<div>- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm;</div> <div>- Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của tỉnh.</div>	Báo cáo kết quả đào tạo bồi dưỡng

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
5.7	- Cán bộ, công chức cấp xã				
5.7.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	Sở Nội vụ	UBND cấp huyện, UBND cấp xã	100% công chức cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ so với tổng số công chức cấp xã.	- Báo cáo CCHC năm của tỉnh hoặc báo cáo về số lượng, chất lượng cán bộ, công chức cấp xã của tỉnh;
5.7.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	Sở Nội vụ	UBND cấp huyện, UBND cấp xã	100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn so với tổng số cán bộ cấp xã.	- Báo cáo CCHC năm của tỉnh hoặc báo cáo về số lượng, chất lượng cán bộ, công chức cấp xã của tỉnh.
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG				
6.1	- Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách				
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ngành tỉnh, UBND các huyện và Ban quản lý dự án	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền, phần đầu đạt từ 90% trở lên so với kế hoạch được giao.	-Báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm của tỉnh

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
6.1.2	Thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan hành chính các cấp ở địa phương	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã	Phấn đấu không có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền chỉ ra trong năm	- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại tỉnh. - Các kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền (nếu có).
6.1.3	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã	- Thống kê tổng số kiến nghị được Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước hoặc cơ quan Trung ương có thẩm quyền chỉ ra sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách tại tỉnh trong 02 năm gần nhất (ví dụ: Đánh giá cho năm 2019 thì thống kê tổng số các kiến nghị được chỉ ra từ kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước trong các năm 2018, 2019). - Đảm bảo 100% số tiền nộp NSNN theo kiến nghị đã thực	- Các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của cơ quan có thẩm quyền tại tỉnh trong 2 năm gần nhất. - Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của tỉnh. - Hồ sơ, tài liệu, chứng từ thể hiện số

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
				hiện xong.	tiền đã nộp NSNN theo kiến nghị.
6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công				
6.2.1	Ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã	<p>Yêu cầu ban hành các văn bản về quản lý, sử dụng tài sản công, đảm bảo nội dung và công khai theo quy định, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng: Điều 8 Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị. - Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng ô tô chuyên dùng: Điều 18 Nghị định 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô. - Quy định tiêu chuẩn, định 	Các quy định đã ban hành và đường link văn bản đã công khai trên website.

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
				<p>mức sử dụng diện tích chuyên dùng: Điều 7, Điều 9 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.</p> <p>- Quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình: Khoản 2 Điều 14 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.</p>	
6.2.2	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi	Các sở, ban, ngành, UBND cấp	Sở Tài chính	Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Đối	Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	quản lý	huyện		tượng phải ban hành Quy chế gồm các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương từ cấp huyện trở lên do Chính phủ quy định và hướng dẫn của Bộ Tài chính.	chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công.
6.2.3	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	Sở Tài chính	Sở Xây dựng	<p>- Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.</p> <p>Tính tỷ lệ % số cơ sở nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý. Đảm bảo tỷ lệ này đạt từ 80% trở lên</p>	<p>- Về số liệu cơ sở nhà, đất phải sắp xếp: Sử dụng số liệu trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản công.</p> <p>- Về kết quả sắp xếp: Báo cáo tình hình sắp xếp lại, xử lý nhà, đất kèm theo văn bản phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất.</p>
6.2.4	Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp	Thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành.	Kế hoạch kiểm tra; Biên bản kiểm tra; Báo cáo kết quả kiểm tra; Thông báo kết luận kiểm tra.

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
			xã		
6.3	- Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)				
6.3.1	Số đơn vị SNCL tự đảm bảo chi thường xuyên	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi đánh giá: Cả 03 nhóm đơn vị SNCL thuộc UBND cấp tỉnh, thuộc CQCM cấp tỉnh, thuộc UBND cấp huyện. - Phần đầu có thêm từ 02 đơn vị SNCL được giao tự chủ ở mức tự bảo đảm chi thường xuyên (không tính các trường hợp giao lại) trở lên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của tỉnh; - Các văn bản giao tự chủ tài chính;
6.3.2	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi đánh giá: Cả 03 nhóm đơn vị SNCL thuộc UBND cấp tỉnh, thuộc CQCM cấp tỉnh, thuộc UBND cấp huyện. - Phần đầu có thêm từ 02 đơn vị SNCL được giao tự chủ ở mức tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (không tính các trường hợp giao lại) trở lên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của tỉnh; - Các văn bản giao tự chủ tài chính;

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
6.3.3	Thực hiện quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các đơn vị SNCL	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi đánh giá: Cả 03 nhóm đơn vị SNCL thuộc UBND cấp tỉnh, thuộc CQCM cấp tỉnh, thuộc UBND cấp huyện. - Phần đầu không có sai phạm về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên tại các đơn vị SNCL của tỉnh được các cơ quan có thẩm quyền chi ra trong năm đánh giá 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của tỉnh; Các kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền
6.3.4	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Phần đầu giảm chi trực tiếp ngân sách nhà nước (chi thường xuyên) cho đơn vị SNCL trên địa bàn tỉnh trong năm đánh giá so với năm 2015 từ 10% trở lên.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của tỉnh.
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH				
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh				
7.1.1	Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền	Các sở, ban, ngành, UBND cấp	- Ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử và tổ chức triển khai, duy trì và cập	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả UDCNTT của tỉnh

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
		thông	huyện	nhật Kiến trúc theo quy định của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông.	
7.1.2	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	<p>Thống kê tổng số văn bản đi (trừ văn bản mật) được trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh (gồm VB của các CQCM cấp tỉnh, UBND cấp huyện) trong năm đánh giá (gọi tắt là VĂN BẢN ĐI).</p> <p>Thống kê tổng số văn bản đi của các cơ quan, đơn vị được gửi dưới dạng văn bản điện tử, tính cả văn bản được gửi song song với bản giấy (gọi tắt là VĂN BẢN ĐIỆN TỬ).</p> <p>Đảm bảo từ 90% trở lên văn bản đi (trừ văn bản mật) được trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh (gồm VB của các CQCM cấp tỉnh, UBND cấp huyện) trong năm đánh giá được trao đổi dưới dạng điện tử.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả UDCNTT của tỉnh; - Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ;

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
7.1.3	Thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản (từ cấp tỉnh đến cấp xã)	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Phần mềm quản lý văn bản phải kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến 100% cấp xã.	- Báo cáo kết quả UDCNTT của tỉnh; - Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ
7.1.4	Quản lý, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	- Sở Thông tin và truyền thông - Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã	Hệ thống thông tin một cửa điện tử phải được kết nối liên thông tới 100% các sở, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã để theo dõi, cập nhật, thông kê, tổng hợp thông tin, số liệu về tình hình, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của tất cả các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã; Hệ thống phải đảm bảo hoạt động ổn định và các tính năng của hệ thống phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định hiện hành.	- Báo cáo kết quả UDCNTT của tỉnh; - Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ.
7.1.5	Xây dựng, quản lý, vận hành Cổng dịch vụ công	Văn phòng UBND tỉnh	- Sở Thông tin và truyền	Các chức năng, yêu cầu kỹ thuật của Cổng dịch vụ công	- Báo cáo kết quả UDCNTT của tỉnh;

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
			thông - Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã	phải tuân thủ các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.	- Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ.
7.1.6	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Các chức năng, yêu cầu kỹ thuật của Hệ thống thông tin báo cáo phải tuân thủ các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.	- Báo cáo kết quả UDCNTT của tỉnh; - Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ.
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến				
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã	Thống kê tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4, trong số đó, thống kê số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến trong năm đánh giá (không thống kê TTHC thực hiện tại các cơ quan ngành dọc đặt tại địa phương, như thuế, kho bạc, hải quan, công	- Báo cáo kết quả UDCNTT của tỉnh; - Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ.

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
				<p>an, bảo hiểm xã hội..., vì nội dung này đã sử dụng để đánh giá các bộ).</p> <p>- Yêu cầu: Tỷ lệ giữa số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến so với tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 phải đạt từ 50% trở lên.</p>	
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3, 4	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã	<p>- Các TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh (Bao gồm cả hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp nhận và giải quyết thông qua phần mềm của các bộ triển khai, ví dụ như các lĩnh vực: Tư pháp, đăng ký kinh doanh, giao thông vận tải, đất đai, lao động - thương binh và xã hội...).</p> <p>Yêu cầu:</p> <p>- Tỷ lệ giữa số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến so với tổng</p>	<p>- Báo cáo kết quả UDCNTT của tỉnh;</p> <p>- Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ.</p>

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
				số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm của các TTHC nêu trên (cả trực tuyến và truyền thống). phải đạt từ 20% trở lên.	
7.3	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)				
7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã	<p>Thống kê danh mục TTHC đang triển khai tiếp nhận/trả kết quả qua dịch vụ BCCI (không thống kê TTHC do các bộ đang triển khai tại các cơ quan ngành dọc đặt tại địa phương), trong số đó, thống kê số TTHC có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả qua dịch vụ BCCI. Yêu cầu:</p> <p>- Tỷ lệ giữa số TTHC có phát sinh hồ sơ qua dịch vụ BCCI phải đạt từ 50% trở lên.</p>	Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg.
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã	Chi đánh giá đối với các TTHC có phát sinh hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ BCCI (không thống kê TTHC do các bộ đang triển khai tại các cơ	Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
			xã	quan ngành dọc đặt tại địa phương). Yêu cầu: - Tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm của các TTHC phải đạt từ 10% trở lên	
7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã	Chi đánh giá đối với các TTHC có phát sinh hồ sơ trả kết quả qua dịch vụ BCCI (không thống kê TTHC do các bộ đang triển khai tại các cơ quan ngành dọc đặt tại địa phương). Yêu cầu: - Tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã trả kết quả qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã trả kết quả trong năm của các TTHC phải đạt từ 10% trở lên.	Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg.
7.4	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định				
7.4.1	Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện công bố ISO 9001 theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Việc công bố ISO 9001 thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg;	Các quyết định công bố ISO hoặc báo cáo thống kê của UBND tỉnh.

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
				<p>Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 và Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p> <p>Yêu cầu:</p> <p>- Tỷ lệ % giữa số CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện đã công bố Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 hoặc 9001:2015 so với tổng số CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện phải đạt 100%.</p>	
7.4.2	Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện thực hiện việc xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến TCVN ISO 9001:2008 hoặc TCVN ISO 9001:2015 phù hợp theo quy định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	<p>Việc xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến ISO 9001 thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg; Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 và Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p> <p>Yêu cầu:</p>	Các báo cáo kết quả việc xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2008/TCVN ISO 9001:2015 hàng năm của cơ quan HC hoặc báo cáo kết quả kiểm tra hàng năm của Sở Khoa học và Công nghệ.

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
				- Tỷ lệ % giữa số CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện thực hiện đúng quy trình ISO so với tổng số CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện đã công bố phải đạt 100%.	
8	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN KT-XH CỦA TỈNH				
8.1	Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Thống kê tổng số vốn thu hút đầu tư của tỉnh trong năm (đơn vị tính là: tỷ đồng). Yêu cầu: Tổng số vốn thu hút đầu tư của tỉnh trong năm đánh giá cao hơn năm trước liền kề.	- Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm đánh giá; - Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm trước liền kề.
8.2	Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh				
8.2.1	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Thống kê tổng số doanh nghiệp thành lập mới tăng lên so với năm trước liền kề. Yêu cầu: Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm đánh giá tăng từ 20% trở lên so với tổng số doanh nghiệp thành	- Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm đánh giá; - Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Tài liệu kiểm chứng
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
				lập mới của năm trước liền kề.	hội của tỉnh trong năm trước liền kề.
8.2.2	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp	Sở Tài chính	UBND cấp huyện	Yêu cầu tỷ lệ % đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp trong năm đánh giá tăng so với năm trước liền kề.	Báo cáo kết quả thực hiện ngân sách nhà nước của tỉnh.
8.3	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao	Sở Tài chính	UBND cấp huyện	Thu ngân sách của tỉnh trong năm đánh giá phải vượt chỉ tiêu được Chính phủ giao từ 4% trở.	Báo cáo kết quả thực hiện ngân sách nhà nước của tỉnh
8.4	Tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Tỷ lệ GRDP của tỉnh tăng cao hơn so với năm trước liền kề.	Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Phụ lục 2: Chỉ số SIPAS

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Kết quả
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
1	Chỉ số hài lòng về tiếp cận dịch vụ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Trụ sở cơ quan có biển hiệu, hướng dẫn rõ ràng, dễ thấy. - Trụ sở cơ quan có đầy đủ chỗ ngồi cho người dân, tổ chức. - Trang thiết bị phục vụ cho người dân, tổ chức phải đầy đủ. - Trang thiết bị phục vụ cho người dân, tổ chức dễ dàng sử dụng. - Phần đầu mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với nội dung này đạt từ 82% trở lên. 	Đạt từ 83% trở lên
2	Chỉ số hài lòng về tổ chức giải quyết TTHC	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định TTHC được niêm yết công khai đầy đủ, dễ thấy. - Thành phần hồ sơ yêu cầu nộp đúng quy định. - Mức phí/lệ phí yêu cầu nộp đúng quy định. - Thời hạn giải quyết công việc đúng quy định. 	Đạt từ 80% trở lên
3	Chỉ số hài lòng về công chức giải quyết TTHC	Các sở, ban ngành, UBND cấp	Văn phòng UBND tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức có thái độ giao tiếp lịch sự. - Công chức chăm chú lắng nghe. 	Đạt từ 80% trở lên

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phân công		Yêu cầu	Kết quả
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
		huyện và UBND cấp xã		<ul style="list-style-type: none"> - Công chức trả lời, giải thích đầy đủ. - Công chức hướng dẫn kê khai hồ sơ dễ hiểu. - Công chức hướng dẫn kê khai hồ sơ 01 lần là có thể hoàn thiện hồ sơ. - Công chức giải quyết công việc đúng theo quy định. - Công chức tận tình giúp đỡ. 	
4	Chỉ số hài lòng về kết quả giải quyết TTHC	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả phù hợp, đúng với quy định. - Kết quả có thông tin đầy đủ, chính xác. - Kết quả đảm bảo tính công bằng. 	Đạt từ 81% trở lên
5	Chỉ số hài lòng về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có bố trí, niềm ýet công khai hình thức tiếp nhận PAKN. - Cá nhân, tổ chức dễ dàng thực hiện PAKN. - Cơ quan tiếp nhận, xử lý PAKN tích cực. - Cơ quan thông báo kịp thời kết quả xử lý PAKN. 	Đạt từ 82% trở lên

Phụ lục 3: Chỉ số PAPI

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN
I	Sự tham gia của người dân ở cơ sở gồm 04 chỉ số thành phần			
1	Tri thức công dân (tăng cường thông tin, tuyên truyền về các nội dung, vấn đề mà người dân có quyền được hiểu về các chính sách và sự hiểu biết về vị trí các lãnh đạo)	Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
2	Cơ hội tham gia (Tham gia vào các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, đoàn thể; Tham gia vào các tổ chức xã hội, hội, nhóm, câu lạc bộ tự lập; Tham gia bầu cử đại biểu HĐND, ĐBQH lần gần đây nhất; bầu trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố...)	UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
3	Chất lượng bầu cử (Gia đình được mời đi bầu biết trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố, được biết về hình thức bầu cử, được biết về kết quả bầu cử...)	UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Định kỳ hàng quý
4	Đóng góp tự nguyện (xây dựng, tu sửa công trình công cộng...)	UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
II	Chỉ số công khai, minh bạch trong việc ra quyết định			
1	Kịp thời thông tin, tuyên truyền, phổ biến về chính sách, pháp luật đến người dân, tổ chức	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
2	Công khai đối tượng thuộc diện hộ	UBND cấp xã	- Sở Lao động thương	Thường xuyên

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN
	nghèo, danh sách hộ nghèo và các chế độ chính sách đối với hộ nghèo theo quy định		binh và Xã hội - UBND cấp huyện	
3	Công khai minh bạch thu chi ngân sách cấp xã	UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Định kỳ hàng quý
4	Công khai quy hoạch, sử dụng đất chi tiết tại trụ sở UBND cấp xã	UBND cấp huyện UBND cấp xã	Sở Tài nguyên và Môi trường	Ngay khi cấp có thẩm quyền phê duyệt
5	Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	- UBND cấp huyện - UBND cấp xã	Ngay khi cấp có thẩm quyền phê duyệt
6	Công khai bảng giá đất khi được UBND tỉnh ban hành	UBND cấp xã	- Sở Tài nguyên và Môi trường - UBND cấp huyện	Ngay khi cấp có thẩm quyền phê duyệt
7	Công khai phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp xã	UBND cấp xã	- Sở Tài nguyên và Môi trường - UBND cấp huyện	Ngay khi cấp có thẩm quyền phê duyệt
III	Trách nhiệm giải trình với người dân			
1	Tương tác với các cấp chính quyền (công dân liên hệ khi giải quyết các khúc mắc và kết quả giải quyết của các cấp chính quyền)	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã	Thanh Tra tỉnh	Thường xuyên
2	Giải quyết những vướng mắc, phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của người	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và	Thanh Tra tỉnh	Thường xuyên

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN
	dân	UBND cấp xã		
3	Tiếp cận dịch vụ tư pháp (người dân có tin, vào Tòa án, sử dụng Tòa án khi có tranh chấp)	Tòa án nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
IV	Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công			
1	Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền (chỉ trả cho cán bộ, công chức khi làm thủ tục về chứng thực, xác nhận; đất đai; xây dựng...)	Thanh tra tỉnh, Sở Tư pháp; UBND cấp huyện và UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
2	Cung ứng dịch vụ công (chỉ tiền thêm khi khám chữa bệnh và khi con em vào tiểu học dễ được quan tâm hơn,...)	Sở Giáo dục và Đào tạo Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
3	Công bằng trong tuyển dụng vào khu vực công (vào cơ quan nhà nước có cần phải lót tay, hay có mối liên hệ với người có chức quyền,...)	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
V	Thủ tục hành chính			
1	Dịch vụ chứng thực, xác nhận (về chất lượng dịch vụ chứng thực và mức độ hài lòng với dịch vụ người dân nhận được)	- Sở Tư pháp - UBND cấp huyện - UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
2	Thủ tục cấp phép xây dựng (người dân đi làm thủ tục hành chính không phải đi qua nhiều “cửa” để làm thủ tục xin cấp phép xây dựng, chất lượng dịch vụ hành chính về giấy phép xây dựng và mức độ	- Sở Xây dựng - UBND cấp huyện	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN
	hài lòng với dịch vụ người dân nhận được)			
3	Thủ tục liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (người dân đi làm thủ tục hành chính không phải đi qua nhiều “cửa” để làm xong thủ tục liên quan đến giấy chứng nhận QSD đất, chất lượng dịch vụ hành chính về thủ tục liên quan đến giấy chứng nhận QSD đất và mức độ hài lòng với dịch vụ người dân nhận được)	- Sở Tài nguyên và Môi trường - UBND cấp huyện	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
4	Dịch vụ hành chính cấp xã (người dân đi làm thủ tục không phải đi qua nhiều “cửa” để làm xong thủ tục, chất lượng dịch vụ hành chính cấp xã và mức độ hài lòng với dịch vụ người dân nhận được)	UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
VI	Cung ứng dịch vụ công			
1	Y tế công lập (người dân được hỏi bảo hiểm y tế, Dịch vụ khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi, Người nghèo được hỗ trợ để mua bảo hiểm y tế...)	Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên và báo cáo kết quả định kỳ theo quý và năm
2	Giáo dục tiểu học công lập (chất lượng dạy học và chất lượng trường ở địa phương)	Sở Giáo dục và Đào tạo UBND cấp huyện	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên và báo cáo kết quả
3	Cơ sở hạ tầng căn bản (sử dụng điện, loại đường giao thông, dịch vụ thu gom	- Sở Công thương	Các cơ quan, đơn vị có	Thường xuyên và báo cáo kết

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN
	rác thải và chất lượng nguồn nước)	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Giao thông vận tải - Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn; - Công ty cổ phần cấp thoát nước tỉnh; chi nhánh các huyện, thị xã, thành phố - Công ty cổ phần công trình công cộng Vĩnh Long - Điện lực tỉnh 	liên quan	quả định kỳ theo quý và năm
4	An ninh, trật tự tại địa bàn khu dân cư	<ul style="list-style-type: none"> - Công an tỉnh - Công an cấp huyện - Công an cấp xã 	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
VII Quản trị môi trường				
1	Nghiêm túc trong bảo vệ môi trường (Thông tin, tuyên truyền để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong Nhân dân, xử lý sự cố môi trường, môi trường có được ưu tiên hơn phát triển kinh tế...)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
2	Chất lượng không khí (đánh giá chất lượng không khí ở địa phương có tốt hơn 3 năm trước, đeo khẩu trang để tránh ô nhiễm môi trường...)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
3	Chất lượng nước (nguồn nước từ sông/kênh/rạch gần nhà đủ sạch để giặt	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN
	giữ, bơi lội)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
VIII	Quản trị điện tử			
1	Sử dụng cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương (cung cấp đủ thông tin chỉ dẫn và biểu mẫu cần thực hiện từ cổng thông tin điện tử địa phương khi làm chứng thực, xác nhận; cấp giấy phép xây dựng...)	- Văn phòng UBND tỉnh - UBND cấp huyện	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
2	Tiếp cận và sử dụng internet tại địa phương (tiếp cận thông tin trong nước qua internet; có kết nối internet tại nhà)	- Sở Thông tin và Truyền thông - UBND cấp huyện	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
3	Phúc đáp của chính quyền qua cổng thông tin điện tử (đã gửi câu hỏi tới chính quyền địa phương và nhận được trả lời thông qua mục “Hỏi-Đáp Trực Tuyến” trên cổng thông tin điện tử)	Văn phòng UBND tỉnh	- Các sở, ban, ngành - UBND cấp huyện - UBND cấp xã	Thường xuyên